

Số: 28 /2021/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương tỉnh Thái Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Thực hiện Thông báo số 306-TB/TU ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương.;

Xét Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương; Báo cáo thẩm tra số 38/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.



Wke

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Nghị quyết này thay thế: Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương; Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình./ *mk*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình, Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu VTVP. *Thuy*

**CHỦ TỊCH**

Thanh

Nguyễn Tiến Thành



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

VỀ CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC
PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2022 CÁC CẤP NGÂN SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị cấp tỉnh; các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện); các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2022-2025, ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng, vùng còn khó khăn.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022-2024, Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ

cấu lại ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính với yêu cầu triệt để tiết kiệm, giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch.

Tiêu chí biên chế và tiêu chí dân số là các tiêu chí chủ yếu để phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho các lĩnh vực của từng cấp ngân sách ở địa phương trên cơ sở định mức phân bổ bình quân chung (bao gồm cả thành thị và nông thôn).

5. Định mức phân bổ cho các lĩnh vực chi đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và kinh phí thực hiện một số chính sách, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác trên các vùng biển xa). Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước; ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ đối với các địa phương sau khi đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, địa phương phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách địa phương, bao gồm cả dự phòng và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối ngân sách địa phương, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách địa phương.

6. Phân bổ dự toán chi các lĩnh vực sự nghiệp:

a) Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng

đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII, các quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá phí, chưa tính đủ chi phí): Thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng, hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định.

- Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí hoạt động của đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm.

b) Trong thời kỳ ổn định ngân sách, hàng năm: Ngân sách nhà nước tiếp tục giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công và kết quả thực hiện nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

Chương II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính

1. Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế: Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm cả hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp).



a) Các cơ quan quản lý nhà nước: Định mức phân bổ ngân sách giảm dần theo các bậc biên chế, cụ thể như sau:

- Từ 15 biên chế trở xuống: 32 triệu/01 biên chế.
- Từ biên chế thứ 16 đến 35: 30 triệu/01 biên chế.
- Từ biên chế thứ 36 đến 50: 27 triệu/01 biên chế.
- Từ biên chế thứ 51 trở lên: 26 triệu/01 biên chế

b) Cơ quan Đảng: 58 triệu/01 biên chế.

c) Đoàn thể chính trị: 32 triệu/01 biên chế.

d) Các hội đặc thù: 32 triệu/01 định suất.

Đối với sở, ngành không có nguồn thu, không có kinh phí sự nghiệp thì chi hoạt động thường xuyên được điều chỉnh theo hệ số $K = 1,15$ lần định mức theo đầu biên chế.

3. Phạm vi bao quát của định mức:

a) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên bao gồm:

- Các khoản chi hoạt động mang tính chất thường xuyên bộ máy các cơ quan, chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan; chi hoạt động thanh tra; kinh phí thường xuyên ban tiếp dân, bộ phận một cửa, kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính, kinh phí tiếp dân, xử lý đơn thư; chi khen thưởng theo chế độ; phúc lợi tập thể, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; sơ kết, văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan và các nội dung chi hoạt động mang tính chất thường xuyên khác.

- Chi nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn của ngành, chi công tác quản lý ngành, lĩnh vực; xây dựng hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, các đề án, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; chi hoạt động kiểm tra, giám sát; duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam và các nội dung chi nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên khác.

- Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên tài sản công phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang, thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên không bao gồm:

- Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương.

- Các khoản đặc thù của từng ngành: Chi tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ; chi hoạt động các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, Ban quản lý, Tổ công tác liên ngành, các Hội đồng được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; hỗ trợ các tổ chức tôn giáo; kinh phí sửa chữa lớn; mua sắm trang, thiết bị, phương tiện làm việc mới cho cơ quan mới thành lập, trụ sở mới, đồng bộ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; kinh phí vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh và các nội dung chi khác.

- Kinh phí điều tra đặc thù của các ngành; giám sát và đánh giá đầu tư; trang phục ngành; kinh phí trích theo số thu nộp ngân sách nhà nước (thanh tra); hoạt động lưu trữ; hỗ trợ các tổ chức; khen thưởng theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; các nhiệm vụ phát sinh không thường xuyên khác.

Các khoản chi đặc thù: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, trên cơ sở thuyết minh cơ sở tính toán, căn cứ pháp lý của cấp có thẩm quyền và khả năng cân đối ngân sách để bổ sung kinh phí chi hoạt động cho từng nhiệm vụ cụ thể.

4. Về phạm vi áp dụng:

a) Định mức phân bổ chung cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp 1; các đơn vị dự toán cấp 1 phân bổ và giao cho các đơn vị hành chính trực thuộc.

b) Đối với chi hoạt động của cơ quan Đảng; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được tính trên cơ sở định mức và chế độ, tiêu chuẩn và đặc thù của cơ quan này.

c) Các hội đặc thù, tổ chức xã hội nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo

1. Sự nghiệp giáo dục

a) Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định của pháp luật được tính trên cơ sở biên chế sự nghiệp giáo dục thực tế có mặt.

b) Kinh phí hoạt động thường xuyên

- Cấp Trung học phổ thông: Định mức phân bổ theo đầu trường là 230 triệu đồng/01 trường/năm, 01 triệu đồng/01 học sinh/năm.

- Trường Trung học phổ thông Chuyên: Định mức phân bổ theo đầu trường và đầu học sinh gấp 4,5 lần Trường Trung học phổ thông nêu trên, bổ sung hoạt động đặc thù theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Trường Mầm non Hoa Hồng (đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm): định mức phân bổ theo đầu trường là 160 triệu đồng/01 trường/năm, 0,7 triệu đồng/01 học sinh/năm.

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh: Kinh phí hoạt động bảo đảm cơ cấu tỷ lệ chi cho con người và chi hoạt động thường xuyên là 85%-15%.

2. Sự nghiệp đào tạo

a) Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ và sử dụng từ 40% số thu học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và 40% số thu hoạt động sự nghiệp được để lại theo chế độ quy định (sau khi loại trừ chi phí).

b) Chi hoạt động theo tiêu chí biên chế (triệu đồng/biên chế/năm): Trường đại học mức 26 triệu đồng/biên chế/năm; trường cao đẳng mức 23,5 triệu đồng/biên chế/năm; trường trung cấp, Trường Chính trị tỉnh mức 21 triệu/biên chế/năm.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Trường Chính trị tỉnh: hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu đào tạo trung cấp chính trị được cấp có thẩm quyền giao mức 2,5 triệu đồng/ 01 học viên/năm (không bao gồm chỉ tiêu ngoài kế hoạch); hỗ trợ kinh phí đào tạo lớp Cao cấp lý luận chính trị (hệ không tập trung) sau khi giảm trừ mức đóng góp của học viên theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Trường Cao đẳng Sư phạm: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên cao đẳng sư phạm theo quy định Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

- Trường Trung cấp cho Người khuyết tật: Hỗ trợ hoạt động dạy văn hóa, văn hóa chuyên biệt cho người khuyết tật và đối tượng xã hội đến hết bậc trung học cơ sở mức 01 triệu đồng/01 đối tượng/năm.

- Kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Việc miễn, giảm học phí cho các đối tượng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

Ngoài định mức ngân sách nhà nước phân bổ, bổ sung thêm kinh phí thực hiện chính sách đặc thù cho các đối tượng theo chế độ nhà nước quy định hiện hành.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình




1. Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Phổi: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương ngân sách nhà nước hỗ trợ 80%. Bệnh viện Da liễu: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương ngân sách nhà nước hỗ trợ 90%.

Hoạt động đặc thù xem xét riêng theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Hằng năm, căn cứ kết quả thu giá dịch vụ ngân sách nhà nước giảm dần mức hỗ trợ đối với các đơn vị.

2. Khối phòng bệnh:

a) Đối với tuyến tỉnh: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành do ngân sách nhà nước bảo đảm. Chi hoạt động phân bổ theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền giao; định mức chi hoạt động tối đa bằng 80% định mức chi quản lý nhà nước tương đương; ngoài ra được tính thêm các nhiệm vụ đặc thù theo khả năng cân đối ngân sách.

b) Đối với tuyến huyện:

- Ngân sách nhà nước đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành (bao gồm cả quỹ tiền lương và phụ cấp cho Trạm y tế xã, phường, thị trấn và cán bộ dân số xã, phường, thị trấn).

- Chi hoạt động của Trung tâm y tế: Bằng 85% định mức chi quản lý nhà nước tương đương.

- Chi hoạt động của Trạm y tế phân bổ theo mức 55 triệu đồng/01 trạm y tế (tính theo số xã sau sáp nhập; bao gồm kinh phí hỗ trợ điều trị Mathadone, phụ cấp đặc thù theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch, kinh phí hoạt động của trạm y tế, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình).

Điều 7. Định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập khác

1. Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí hoạt động:

a) Đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Bằng 90% định mức chi quản lý nhà nước tương đương.

b) Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên: Bằng 80% định mức chi quản lý nhà nước tương đương.

c) Đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên: Bằng 70% định mức chi quản lý nhà nước tương đương.

d) Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên: Bằng 60% định mức chi quản lý nhà nước tương đương.

e) Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên, Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị theo quy định của pháp luật hiện hành.

* Các nhiệm vụ hoạt động đặc thù được ngân sách nhà nước hỗ trợ trên cơ sở thuyết minh cơ sở tính toán và căn cứ pháp lý của cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ cụ thể.

Chương III

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

1. Sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

a) Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định của pháp luật được tính theo số giáo viên biên chế thực có mặt; trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách, nếu có sự biến động về quỹ lương, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cụ thể.

b) Kinh phí hoạt động thường xuyên:

- Chi hoạt động sự nghiệp giáo dục của các phòng giáo dục và đào tạo huyện, thành phố mức 3% kinh phí hoạt động của trường.

- Kinh phí khen thưởng của ngành: Mức 0,75% kinh phí sự nghiệp giáo dục.

- Cấp học mầm non: Định mức phân bổ theo đầu trường 85 triệu/01 trường/năm; định mức phân bổ theo đầu học sinh 0,45 triệu đồng/ 01 học sinh/năm.

- Cấp tiểu học: Định mức phân bổ theo đầu trường 200 triệu/01 trường/năm; định mức phân bổ theo đầu học sinh 01 triệu đồng/01 học sinh/năm.

- Cấp trung học cơ sở: Định mức phân bổ theo đầu trường 200 triệu/01 trường/năm; định mức phân bổ theo đầu học sinh 0,75 triệu đồng/01 học sinh/năm.

- Trường tiểu học và trung học cơ sở: Định mức phân bổ theo đầu trường 380 triệu/01 trường/năm; định mức phân bổ theo đầu học sinh 0,75 triệu đồng/01 học sinh trung học cơ sở/năm và 01 triệu đồng/01 học sinh tiểu học/năm.

2. Định mức phân bổ chi Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: Quỹ tiền lương, các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật;

chi hoạt động bảo đảm cơ cấu tỷ lệ chi cho con người và chi hoạt động thường xuyên là 85%-15%.

3. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành. Chi hoạt động bằng 85% định mức chi quản lý nhà nước tương đương; phân bổ mức 15.000 đồng/01 người dân trên 18 tuổi/năm (đã bao gồm kinh phí đào tạo nghề, đào tạo lại cán bộ công chức và học tập Nghị quyết của Đảng các cấp; đào tạo của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố theo kế hoạch và các nội dung chi khác).

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình

Phân bổ mức 30 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn để thực hiện các nhiệm vụ y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn theo phân cấp quản lý của tỉnh và kinh phí phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn; Bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định.

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch

Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành. Để thực hiện các nhiệm vụ về văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch trên địa bàn thì chi hoạt động phân bổ theo biên chế giao bằng 85% định mức chi quản lý nhà nước tương đương; phân bổ mức 2.000 đồng/01 người dân/năm; đối với huyện, thành phố có di tích lịch sử đặc biệt cấp quốc gia phân bổ mức 700 triệu đồng/01 di tích; đối với huyện, thành phố không có di tích lịch sử đặc biệt cấp quốc gia phân bổ mức 500 triệu đồng/huyện, thành phố.

Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành. Chi hoạt động phân bổ theo biên chế giao bằng 85% định mức chi quản lý nhà nước tương đương; phân bổ mức 1.200 đồng/01 người dân/năm.

Điều 12. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

1. Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng, mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ: Xác định theo số đối tượng và chế độ cấp có thẩm quyền quy định.

2. Kinh phí thăm hỏi, tặng quà các gia đình và đối tượng chính sách người có công mức 400.000 đồng/01 đối tượng/năm.

3. Sự nghiệp đảm bảo xã hội khác: Hoạt động các Ban chỉ đạo phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, mại dâm; phòng chống buôn bán phụ

nữ, trẻ em; phòng chống tội phạm, Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo và đảm bảo xã hội khác mức 350 triệu đồng/huyện, thành phố; kinh phí thực hiện phương án chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội qua hệ thống Bru điện mức 1,4 triệu đồng/điểm chi trả/tháng.

Điều 13. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể

1. Quản lý nhà nước: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành; hoạt động phân bổ theo biên chế giao, định mức 28 triệu đồng/ 01 biên chế; hoạt động đặc thù quản lý nhà nước huyện, thành phố 2.000 triệu đồng/huyện, thành phố (trong đó đã bao gồm: Hoạt động Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; các ban chỉ đạo cấp huyện; kinh phí giám sát đánh giá đầu tư; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, truyền truyền nước sạch nông thôn; kinh phí viễn thông phục vụ các điểm cầu họp trực tuyến; kinh phí vận hành trang thông tin điện tử; kinh phí trang phục thanh tra, trang phục tiếp công dân; kinh phí tiếp công dân, bộ phận một cửa, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, kiến nghị phản ánh trên địa bàn tỉnh và các nội dung chi khác).

2. Hội đồng nhân dân: Chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định; hoạt động Hội đồng nhân dân mức 750 triệu đồng/huyện, thành phố/năm để thực hiện các nhiệm vụ chi theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thái Bình.

3. Kinh phí Đảng: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo thực tế; hoạt động phân bổ theo biên chế giao, định mức 32 triệu đồng/01 biên chế; hoạt động đặc thù của cơ quan Đảng huyện, thành phố 800 triệu đồng/huyện, thành phố.

4. Tổ chức chính trị xã hội (Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên): Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành; kinh phí hoạt động phân bổ theo biên chế giao định mức 32 triệu đồng/01 biên chế.

Ngoài ra bổ sung thêm hoạt động của Đoàn Thanh niên, Ban chỉ đạo vì sự tiến bộ phụ nữ, các ban chỉ đạo khác và hỗ trợ nhiệm vụ đặc thù khác cho tổ chức xã hội, nghề nghiệp mức 300 triệu đồng/huyện, thành phố.

Hội đặc thù: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định; chi hoạt động phân bổ theo định suất hỗ trợ được giao mức 27 triệu đồng/01 định suất.

Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung: chi thuê trụ sở; chi tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ; chi mua sắm ô tô, mua sắm trang thiết bị, phương tiện

làm việc theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và khả năng ngân sách.

Điều 14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Sự nghiệp giao thông: Mức phân bổ tính theo số xã, phường, thị trấn; mức 70 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn.

2. Sự nghiệp nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp: Mức phân bổ tính theo số xã, phường, thị trấn; mức 20 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn.

3. Vốn khuyến nông, ngư, khuyến diêm, hỗ trợ giống cây, giống con, thiết bị nông nghiệp, hỗ trợ diệt chuột, hỗ trợ tiêm phòng, mô hình chống hạn, chống úng, phòng, chống dịch bệnh nông nghiệp, mục tiêu nông nghiệp khác: Mức phân bổ tính theo số xã, phường, thị trấn; mức 70 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn.

4. Vốn khuyến công, khuyến thương, hỗ trợ nghề, làng nghề, hội chợ, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới: Mức phân bổ tính theo số xã, phường, thị trấn; mức 20 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn.

5. Thủy lợi, phòng chống lụt, bão: Mức phân bổ tính theo số xã, phường, thị trấn; mức 25 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn. Bổ sung thêm cho 2 huyện ven biển (Thái Thụy, Tiền Hải) 200 triệu đồng/01 huyện.

6. Duy tu bảo dưỡng công trình phục vụ công cộng, sự nghiệp kiến thiết thị chính: Phân bổ: 8.500 triệu đồng đối với huyện có đô thị loại V và 17.000 triệu đồng đối với huyện có đô thị loại IV; riêng Thành phố phân bổ theo mức 60.000 triệu đồng.


7. Sự nghiệp kinh tế khác: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định; chi hoạt động phân bổ theo biên chế giao mức bằng 85% chi quản lý nhà nước tương đương (bao gồm cả khảo sát giá đất và chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp; bổ sung thêm các hoạt động quản lý thị trường, kinh tế biển, kinh tế khác); sự nghiệp tài nguyên, sự nghiệp tài chính và các sự nghiệp kinh tế khác.

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường

1. Sự nghiệp môi trường huyện phân bổ theo số xã, phường, thị trấn; định mức 30 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

2. Đối với thành phố Thái Bình mức tính cụ thể riêng và sự nghiệp môi trường đô thị do Thành phố thực hiện.

Điều 16. Định mức phân bổ chi an ninh quốc phòng

1. An ninh: Phân bổ mức công tác an ninh 750 triệu đồng/01 huyện; Thành phố 850 triệu đồng. 



2. Quốc phòng: Chế độ phụ cấp và trợ cấp ngày công huấn luyện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và khả năng cân đối ngân sách. Chi hoạt động phân bổ mức 850 triệu đồng/01 huyện, thành phố. Bổ sung thêm đặc thù quà tân binh nhập ngũ, bộ đội xuất ngũ mức 03 triệu/01 người; kinh phí diễn tập quốc phòng theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3. Biên phòng: Mức 300 triệu đồng/01 huyện ven biển.

Điều 17. Định mức phân bổ chi khác ngân sách

Phân bổ dự toán các khoản chi khác ngân sách theo tỷ lệ bằng 0,5% tổng chi tiêu dùng thường xuyên (trong đó có quỹ thi đua khen thưởng chung).

Điều 18. Định mức phân bổ dự phòng ngân sách

Căn cứ khả năng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phân bổ dự phòng ngân sách theo tỷ lệ bằng 2% chi tiêu dùng thường xuyên.

Chương IV

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 19. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Sự nghiệp giao thông: Mức 70 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn.

2. Sự nghiệp nông nghiệp, khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, khuyến diêm (có chế độ phụ cấp cán bộ làm công tác khuyến ở xã, phường, thị trấn); thủy lợi nội đồng; phòng chống lụt bão, thiên tai, phòng chống dịch bệnh: Hoạt động sự nghiệp 50 triệu đồng/xã, 25 triệu đồng/thị trấn, phường.

3. Duy tu bảo dưỡng công trình phục vụ công cộng, sự nghiệp kiến thiết thị chính, tài nguyên địa chính (gồm cả khảo sát giá đất), sự nghiệp kinh tế khác: 100 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn. Riêng thị trấn bổ sung thêm sự nghiệp kiến thiết thị chính mức 500 triệu đồng/01 thị trấn.

Điều 20. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường

1. Hoạt động thường xuyên về môi trường: 30 triệu/01 xã, phường, thị trấn.

2. Kinh phí hỗ trợ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các xã, phường, thị trấn theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt đối với các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021-2025: Mức 10.000 đồng/01 người dân/năm.

3. Bổ sung có mục tiêu: Hỗ trợ chi phí xử lý rác thải sinh hoạt đối với xã, thị trấn (chưa thuộc phạm vi của dự án xử lý rác thải sinh hoạt do doanh nghiệp đầu tư) tự thực hiện xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt hoặc công

[Handwritten signature]

nghệ khác theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Mức 15.000 đồng/01 người dân/năm.

Điều 21. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

Phân bổ mức 40 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn (bao gồm cả công tác khuyến học và hoạt động của Trung tâm Học tập cộng đồng và các nội dung chi khác).

Điều 22. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình

1. Chế độ phụ cấp, bảo hiểm y tế cho cán bộ y tế thôn, tổ dân phố kiêm thêm chức năng, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng cựu chiến binh, thanh niên xung phong, đối tượng tham gia kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc và đối tượng khác theo quy định của pháp luật: Xác định theo số đối tượng và chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phân bổ mức 20 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn để thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn theo phân cấp.

Điều 23. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch

1. Phân bổ mức 25 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn.

2. Kinh phí thực hiện xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh mức 05 triệu/01 thôn, tổ dân phố.

Điều 24. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh

Phân bổ mức 20 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn.

Điều 25. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

1. Phân bổ mức 25 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn.

2. Kinh phí chế độ cho cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng; trợ cấp đối tượng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; chế độ mai táng phí cho các đối tượng Cựu chiến binh, tham gia kháng chiến bảo vệ Tổ quốc; trợ cấp cho Thanh niên xung phong và đối tượng khác theo quy định của nhà nước: Xác định theo đối tượng và chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quà và kinh phí mừng thọ cho người cao tuổi theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

(Handwritten mark)

quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Bình: Xác định theo chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 26. Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể

1. Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, chế độ cho cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn xác định theo biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chế độ phụ cấp, 14% bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã; chế độ phụ cấp, bảo hiểm y tế cho người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác theo quy định pháp luật chuyên ngành theo Nghị quyết số 20/2020/NĐ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh: Xác định theo đối tượng và chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các khoản hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân xã tính theo thực tế chi trả.

2. Chi hoạt động:

a) Quản lý nhà nước: Phân bổ theo biên chế quản lý nhà nước được giao theo Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình mức 17,5 triệu đồng/biên chế cán bộ, công chức quản lý nhà nước cấp xã (đã bao gồm chi hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố, công tác tôn giáo, một cửa, tiếp dân, hoạt động các Ban chỉ đạo cấp xã, kinh phí viễn thông phục vụ các điểm cầu họp trực tuyến, kinh phí kiểm soát đầu mối thủ tục pháp lý, thủ tục hành chính và các chế độ chính sách theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành đến nay).

Hỗ trợ hoạt động thanh tra nhân dân mức 06 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn theo Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ 03 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, quản lý, sử dụng pháo vũ khí, vật liệu nổ dịp Tết Nguyên đán. Hỗ trợ 15 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố loại 1; 13 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố loại 2; 11 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố loại 3 để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, quản lý, sử dụng pháo vũ khí, vật liệu nổ dịp Tết Nguyên đán; thực hiện công tác tuyên truyền, phối hợp năm nguồn, đôn đốc, động viên thanh niên nhập ngũ ở thôn, tổ dân phố để phục vụ công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ các hoạt động công tác theo nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

b) Hoạt động Hội đồng nhân dân: Chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định; hoạt động Hội đồng nhân dân mức 60 triệu

Như

đồng/xã, phường, thị trấn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Hoạt động Đảng: Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy theo Quyết định số 3115-QĐ/TW, phụ cấp báo cáo viên theo tính theo thực tế chi trả. Hoạt động đảm bảo theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về quy định chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở mức 115 triệu đồng/xã, phường, thị trấn (có cả hoạt động chi bộ, không bao gồm đảng phí được trích lại theo quy định, không bao gồm tiền mua báo, tạp chí của Đảng).

d) Tổ chức chính trị xã hội (Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên): Phân bổ mức 100 triệu đồng/05 đoàn thể/xã, phường, thị trấn.

Bổ sung cho Mặt trận Tổ quốc cấp xã kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện giám sát, phản biện xã hội, làm đầu mối để tổ chức đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân mức 20 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn.

e) Hỗ trợ tổ chức xã hội nghề nghiệp (Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác) phân bổ mức 34 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn/năm.

Điều 27. Định mức phân bổ chi an ninh quốc phòng

1. An ninh: Bảo đảm chế độ cho Công an viên thôn, tổ bảo vệ dân phố theo chế độ quy định; hoạt động an ninh mức 20 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn.

2. Quốc phòng: Bảo đảm chế độ phụ cấp và trợ cấp ngày công huấn luyện theo Luật Dân quân tự vệ; hoạt động quốc phòng mức 30 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn; bổ sung thêm cho công tác biên phòng các xã, thị trấn ven biển mức 20 triệu đồng/01 xã, thị trấn ven biển.

Điều 28. Định mức phân bổ chi khác ngân sách

Phân bổ dự toán các khoản chi khác ngân sách theo tỷ lệ bằng 0,5% tổng chi tiêu dùng thường xuyên, trong đó có quỹ thi đua khen thưởng chung của cấp xã.

Điều 29. Định mức phân bổ dự phòng ngân sách

Căn cứ khả năng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phân bổ dự phòng ngân sách theo tỷ lệ bằng 2% chi tiêu dùng thường xuyên./.